

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI NHSV

Áp dụng từ ngày

25/06/2025

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
1	AAA	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
2	ACB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
3	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
4	BFC	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
5	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
6	BMI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
7	BMP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
8	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
9	BWE	HOSE	Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
10	CMG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
11	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
12	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
13	DBC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
14	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
15	DGC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
16	DGW	HOSE	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
17	DHC	HOSE	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
18	DHG	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
19	DPM	HOSE	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
20	DPR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
21	DRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
22	E1VFN30	HOSE	Quỹ ETF DCVFMVN30	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%
23	EIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
24	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
25	FPT	HOSE	Công ty Cổ phần FPT	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
26	FUEVFN30	HOSE	Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%
27	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
28	GMD	HOSE	Công ty Cổ phần Gemadept	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
29	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
30	HCM	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
31	HDB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
32	HDG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
33	HPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
34	HSG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
35	IMP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
36	KBC	HOSE	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
37	KDH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
38	LPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
39	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
40	MSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
41	MSN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
42	MWG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
43	NAB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
44	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
45	OCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
46	PC1	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
47	PHR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
48	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
49	PNJ	HOSE	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
50	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
51	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
52	PVD	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
53	PVT	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
54	REE	HOSE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
55	SAB	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
56	SBT	HOSE	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%
57	SCS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
58	SHB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
59	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%
60	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
61	TCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
62	TCM	HOSE	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
63	TPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
64	VCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
65	VCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
66	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
67	VHC	HOSE	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
68	VIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
69	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
70	VPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
71	VRE	HOSE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
72	VSC	HOSE	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%
73	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO - CTCP	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
74	PVI	HNX	Công ty Cổ phần PVI	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
75	PVS	HNX	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
76	SHS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
77	VCS	HNX	Công ty Cổ phần VICOSTONE	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%
78	BAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%
79	BCM	HOSE	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%
80	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	40%	60%	80%	80%	0%	0%	0%	0%
81	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
82	CTD	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	40%	60%	80%	80%	0%	0%	0%	0%
83	CTR	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
84	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
85	DIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	40%	60%	80%	80%	32%	0%	80%	0%
86	DXG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%
87	EVF	HOSE	Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%
88	FRT	HOSE	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	40%	60%	80%	80%	0%	0%	80%	0%
89	GEX	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
90	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
91	HAX	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
92	HDC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%
93	IJC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%
94	KDC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	40%	60%	80%	80%	32%	0%	80%	0%
95	KSB	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%
96	LCG	HOSE	Công ty Cổ phần Lizen	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%
97	LIX	HOSE	Công ty Cổ phần Bột Giặt LiX	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
98	MIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
99	MSH	HOSE	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%
100	NKG	HOSE	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%
101	PET	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	40%	60%	80%	80%	0%	0%	0%	0%
102	SIP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%
103	SZC	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%
104	TDM	HOSE	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%
105	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
106	TV2	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
107	VCG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	40%	60%	80%	80%	32%	0%	80%	0%
108	VHM	HOSE	Công ty Cổ phần Vinhomes	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
109	VIC	HOSE	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%
110	VJC	HOSE	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%
111	VND	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%
112	VTP	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%
113	CEO	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
114	MBS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
115	NTP	HNX	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%
116	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%
117	TNG	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%
118	AGG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%
119	AGR	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
120	BIC	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
121	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%
122	CSM	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
123	CTI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%
124	CTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%
125	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa An	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
126	DPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
127	DSE	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	30%	70%	60%	60%	0%	0%	0%	0%
128	DVP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
129	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
130	HHV	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%
131	HT1	HOSE	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
132	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
133	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
134	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%
135	PDR	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	30%	70%	60%	60%	24%	0%	60%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
136	PGC	HOSE	Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%
137	PPC	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
138	PVP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
139	SCR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	30%	70%	60%	60%	0%	0%	0%	0%
140	SSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
141	TCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
142	TIP	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%
143	VIX	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
144	VTO	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
145	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
146	LAS	HNX	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
147	LHC	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%
148	VC3	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%
149	TDP	HOSE	Công ty Cổ phần Thuận Đức	25%	75%	50%	50%	0%	0%	0%	0%
150	AST	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
151	BMC	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
152	DCL	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%
153	ELC	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
154	GDT	HOSE	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
155	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%
156	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
157	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	20%	80%	40%	40%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
158	ITC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%
159	LHG	HOSE	Công ty Cổ phần Long Hậu	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
160	LSS	HOSE	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%
161	NBB	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	20%	80%	40%	40%	0%	0%	0%	0%
162	NHH	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
163	NTL	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
164	SAM	HOSE	Công ty Cổ phần SAM Holdings	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%
165	SGN	HOSE	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
166	SHI	HOSE	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	20%	80%	40%	40%	0%	0%	0%	0%
167	SJS	HOSE	Công ty Cổ phần SJ Group	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
168	SZL	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
169	TCH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
170	TMS	HOSE	Công ty Cổ phần Transimex	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
171	TRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
172	VFG	HOSE	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
173	VIP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
174	VSH	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
175	DHT	HNX	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%
176	DXP	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
177	HUT	HNX	Công ty Cổ phần Tasco	20%	80%	40%	40%	16%	0%	40%	0%
178	SLS	HNX	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%
179	VGS	HNX	Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%
180	ACL	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%
181	CCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%
182	CHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
183	HHS	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
184	HTN	HOSE	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%
185	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
186	NAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nafoods Group	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%
187	NNC	HOSE	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
188	SBA	HOSE	Công ty Cổ phần Sông Ba	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
189	SJD	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
190	SMB	HOSE	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%
191	THG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
192	TTA	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
193	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%
194	VDS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%
195	VPD	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
196	VPG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%
197	VPI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	10%	90%	20%	20%	8%	0%	20%	0%
198	DTD	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%
199	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%
200	INN	HNX	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%
201	ABR	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
202	ABT	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
203	ACC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
204	ACG	HOSE	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
205	ADG	HOSE	Công ty Cổ phần Clever Group	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
206	ADP	HOSE	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
207	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần DAMSAN	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
208	ASG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
209	ASM	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
210	BBC	HOSE	Công ty Cổ phần Bibica	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
211	BHN	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
212	BKG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
213	BRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
214	BTP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
215	BTT	HOSE	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
216	C32	HOSE	Công ty Cổ phần CIC39	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
217	CCI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
218	CDC	HOSE	Công ty Cổ phần Chương Dương	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
219	CLC	HOSE	Công ty Cổ phần Cát Lợi	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
220	CLW	HOSE	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
221	CMV	HOSE	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
222	COM	HOSE	Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
223	CRC	HOSE	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
224	CTF	HOSE	Công ty Cổ phần City Auto	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
225	CVT	HOSE	Công ty Cổ phần CMC	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
226	DAH	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
227	DAT	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
228	DBT	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
229	DC4	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
230	DHM	HOSE	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
231	DMC	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
232	DRL	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
233	DSN	HOSE	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
234	DTA	HOSE	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
235	DTT	HOSE	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
236	DXS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
237	FCN	HOSE	Công ty Cổ phần FECON	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
238	FIT	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
239	FUEBFVND	HOSE	Quỹ ETF BVFVN DIAMOND	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
240	FUEDCMID	HOSE	Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
241	FUEKIVFS	HOSE	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
242	FUEMAV30	HOSE	Quỹ ETF MAFM VN30	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
243	FUESSV30	HOSE	Quỹ ETF SSIAM VN30	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
244	FUESSV50	HOSE	Quỹ ETF SSIAM VN50	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
245	FUESSVFL	HOSE	Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
246	FUEVN100	HOSE	Quỹ ETF VINACAPITAL VN100	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
247	GMH	HOSE	Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
248	GTA	HOSE	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
249	HAP	HOSE	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hapaco	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
250	HAR	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
251	HCD	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
252	HHP	HOSE	Công ty Cổ phần HHP Global	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
253	HII	HOSE	Công ty Cổ phần An Tiến Industries	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
254	HMC	HOSE	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
255	HPX	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
256	HQC	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
257	HRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
258	HSL	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
259	HTG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
260	HTI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
261	HTL	HOSE	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
262	HTV	HOSE	Công ty Cổ phần Logistics Vicem	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
263	HUB	HOSE	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
264	HVH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
265	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
266	KHP	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
267	KMR	HOSE	Công ty Cổ phần Mirae	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
268	KOS	HOSE	Công ty Cổ phần KOSY	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
269	L10	HOSE	Công ty Cổ phần Lilama 10	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
270	LAF	HOSE	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
271	LBM	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
272	LGC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
273	LM8	HOSE	Công ty Cổ phần Lilama 18	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
274	MCM	HOSE	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
275	MCP	HOSE	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
276	NAV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
277	NHA	HOSE	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
278	NHT	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
279	NO1	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn 911	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
280	NSC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
281	OPC	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
282	PDN	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
283	PGD	HOSE	Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
284	PGI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
285	PHC	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
286	PJT	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
287	PLP	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
288	PNC	HOSE	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
289	PTC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư ICAPITAL	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
290	QNP	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
291	S4A	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
292	SAV	HOSE	Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
293	SBG	HOSE	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
294	SFC	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
295	SFG	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
296	SFI	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
297	SGT	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
298	SHA	HOSE	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
299	SHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
300	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
301	SRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
302	SSC	HOSE	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
303	ST8	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
304	STG	HOSE	Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
305	SVC	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
306	SVI	HOSE	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
307	SVT	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
308	TBC	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
309	TCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
310	TCO	HOSE	Công ty Cổ phần TCO Holdings	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
311	TCT	HOSE	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
312	TDG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
313	TDW	HOSE	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
314	TEG	HOSE	Công ty Cổ phần Năng Lượng và Bất động sản Trường Thành	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
315	TIX	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
316	TLD	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
317	TMP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
318	TN1	HOSE	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
319	TNC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
320	TNH	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
321	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần Traphaco	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
322	TVT	HOSE	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
323	TYA	HOSE	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
324	UIC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
325	VCA	HOSE	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
326	VCF	HOSE	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
327	VDP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
328	VID	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
329	VMD	HOSE	Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
330	VNG	HOSE	Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
331	VNL	HOSE	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
332	VNS	HOSE	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
333	VOS	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
334	VPS	HOSE	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
335	VRC	HOSE	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
336	VSI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
337	YBM	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
338	YEG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
339	ADC	HNX	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
340	AMC	HNX	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
341	ARM	HNX	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
342	ATS	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
343	BAB	HNX	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
344	BAX	HNX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
345	BBS	HNX	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
346	BCF	HNX	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
347	BDB	HNX	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
348	BED	HNX	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
349	BKC	HNX	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
350	BNA	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
351	BPC	HNX	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
352	BSC	HNX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
353	BST	HNX	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
354	BTW	HNX	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
355	BXH	HNX	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
356	C69	HNX	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
357	CAP	HNX	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
358	CCR	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
359	CDN	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
360	CIA	HNX	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
361	CKV	HNX	Công ty Cổ phần CokyVina	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
362	CLH	HNX	Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
363	CLM	HNX	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
364	CMC	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
365	CMS	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
366	CPC	HNX	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
367	CSC	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
368	CTB	HNX	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
369	CTT	HNX	Công ty Cổ phần Chế tạo máy Vinacomin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
370	CX8	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
371	D11	HNX	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
372	DAD	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
373	DAE	HNX	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
374	DC2	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) số 2	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
375	DHP	HNX	Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
376	DL1	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
377	DNC	HNX	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
378	DNP	HNX	Công ty Cổ phần DNP Holding	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
379	DP3	HNX	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương 3	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
380	DST	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
381	DTG	HNX	Công ty Cổ phần Dược phẩm Típharco	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
382	DTK	HNX	Tổng Công ty Điện lực TKV - Công ty Cổ phần	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
383	DVM	HNX	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
384	EBS	HNX	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
385	EID	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
386	EVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
387	GDW	HNX	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
388	GIC	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
389	GMA	HNX	Công ty Cổ phần G-Automobile	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
390	GMX	HNX	Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
391	HAD	HNX	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
392	HAT	HNX	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
393	HBS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
394	HCC	HNX	Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cầm - Intimex	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
395	HGM	HNX	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
396	HHC	HNX	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
397	HJS	HNX	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
398	HKT	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
399	HLC	HNX	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
400	HMH	HNX	Công ty Cổ phần Hải Minh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
401	HMR	HNX	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
402	HTC	HNX	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
403	HVT	HNX	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
404	INC	HNX	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
405	IPA	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
406	ITQ	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
407	IVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
408	KHS	HNX	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
409	KMT	HNX	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
410	KSF	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
411	KST	HNX	Công ty Cổ phần KASATI	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
412	KTS	HNX	Công ty Cổ phần Đường Kon Tum	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
413	L14	HNX	Công ty Cổ phần Licogi 14	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
414	L18	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
415	LIG	HNX	Công ty Cổ phần Licogi 13	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
416	MAC	HNX	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
417	MCC	HNX	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
418	MCF	HNX	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
419	MCO	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
420	MDC	HNX	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
421	MEL	HNX	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
422	MKV	HNX	Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
423	MVB	HNX	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - Công ty Cổ phần	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
424	NAG	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
425	NAP	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
426	NBC	HNX	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
427	NBW	HNX	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
428	NDN	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
429	NET	HNX	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
430	NFC	HNX	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
431	NSH	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
432	NST	HNX	Công ty Cổ phần Ngân Sơn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
433	NTH	HNX	Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
434	PBP	HNX	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
435	PCE	HNX	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Miền Trung	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
436	PCH	HNX	Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
437	PCT	HNX	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
438	PDB	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư DIN Capital	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
439	PGN	HNX	Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
440	PGS	HNX	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
441	PHN	HNX	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
442	PIA	HNX	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
443	PIC	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
444	PJC	HNX	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
445	PMB	HNX	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
446	PMC	HNX	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
447	PMP	HNX	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
448	PMS	HNX	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
449	POT	HNX	Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
450	PPP	HNX	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
451	PPS	HNX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
452	PPT	HNX	Công ty cổ phần Petro Times	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
453	PPY	HNX	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
454	PRC	HNX	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
455	PRE	HNX	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
456	PSC	HNX	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
457	PSD	HNX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
458	PSE	HNX	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
459	PSI	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
460	PSW	HNX	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
461	PTI	HNX	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
462	PTS	HNX	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
463	PVB	HNX	Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
464	PVC	HNX	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
465	PVG	HNX	Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
466	QHD	HNX	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
467	QST	HNX	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
468	RCL	HNX	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
469	S55	HNX	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
470	S99	HNX	Công ty Cổ phần SCI	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
471	SAF	HNX	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
472	SCG	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
473	SCI	HNX	Công ty Cổ phần SCI E&C	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
474	SD5	HNX	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
475	SD9	HNX	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
476	SDC	HNX	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
477	SDN	HNX	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
478	SEB	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
479	SED	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
480	SFN	HNX	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
481	SGC	HNX	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
482	SGH	HNX	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
483	SHE	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
484	SHN	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
485	SJ1	HNX	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
486	SJE	HNX	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
487	SMN	HNX	Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Miền Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
488	STC	HNX	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
489	STP	HNX	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
490	SVN	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
491	SZB	HNX	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
492	TA9	HNX	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
493	TBX	HNX	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
494	TDT	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
495	TET	HNX	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
496	TFC	HNX	Công ty Cổ phần Trang	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
497	THD	HNX	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
498	THS	HNX	Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
499	THT	HNX	Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
500	TJC	HNX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
501	TMB	HNX	Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
502	TMC	HNX	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
503	TMX	HNX	Công ty Cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
504	TOT	HNX	Công ty Cổ phần Transimex Logistics	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
505	TPH	HNX	Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
506	TPP	HNX	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
507	TSB	HNX	Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
508	TTC	HNX	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
509	TTT	HNX	Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
510	TV4	HNX	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
511	TVD	HNX	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
512	UNI	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
513	V12	HNX	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
514	VBC	HNX	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
515	VC1	HNX	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
516	VC6	HNX	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
517	VC7	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
518	VCC	HNX	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
519	VE3	HNX	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
520	VFS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
521	VGP	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSDB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)
522	VHE	HNX	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
523	VIF	HNX	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
524	VMC	HNX	Công ty Cổ phần VIMECO	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
525	VMS	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
526	VNC	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
527	VNF	HNX	Công ty Cổ phần Vinafreight	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
528	VNR	HNX	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
529	VSA	HNX	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
530	VSM	HNX	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
531	VTH	HNX	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
532	VTZ	HNX	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
533	WCS	HNX	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0%	100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%